

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 01 – 2024

“Về việc tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Minh Sơn

2. Ông Đào Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023. Về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc S, S năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ Thủ A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Phạm Minh T, S năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ Thủ A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 và các lời khai của nguyên đơn chị chị Phạm Ngọc S trình bày:

Tôi và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát S nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không ai chịu nhường nhịn ai, mạnh ai nấy lo và hiện nay tôi không còn tình cảm với T. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài và không thể hàn gắn được nên nay tôi yêu cầu được ly hôn anh Phạm Minh T.

Về con chung có 03 người con tên: Phạm Diễm My, S năm 1997; Phạm Anh Thư, S năm 2006 và Phạm Trọng Nguyên, S năm 2009. Hiện nay cháu My và cháu Thư đã lớn khôn đã sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải

quyết. Đối với cháu Nguyên hiện nay đang sống chung với tôi, sau khi ly hôn tôi yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Phạm Minh T trình bày:* Về phần hôn nhân về thời gian kết hôn như chị Phạm Ngọc S trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không ai chịu nhường nhịn ai, mạnh ai nấy lo. Nay chị S yêu cầu ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về con chung có 03 người con tên: Phạm Diễm My, S năm 1997; Phạm Anh Thư, S năm 2006 và Phạm Trọng Nguyên, S năm 2009. Hiện nay cháu My và cháu Thư đã lớn khôn đã sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyên hiện nay đang sống chung với chị S nên tôi đồng ý giao con cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Tâm:

[1] Tranh chấp giữa chị Phạm Ngọc S và anh Phạm Minh T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ tại ấp Chợ Thủ A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ngọc H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị S và anh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1995 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị S và anh T không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị Phạm Ngọc S và anh Phạm Minh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Phạm Diễm My, S năm 1997; Phạm Anh Thư, S năm 2006 và Phạm Trọng Nguyên, S năm 2009. Hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn hiện nay đang sống chung với chị S, sau khi ly hôn chị S và anh T thống nhất giao cháu Nguyễn cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh T không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát S tranh chấp về tài sản thì chị S và anh T có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Chị S trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh T không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Ngọc S và anh Phạm Minh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Ngọc S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Trọng Nguyên, S năm 2009. Anh Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị S có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014778 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Ngọc H. Chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- CC THA huyện Ngọc H;
- Đương sự;
- UBND xã Tam Giang Tây;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính